

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

Số: 891/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả xếp hạng Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương – DDCI Quảng Ninh 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 07/9/2023 của UBND tỉnh về triển khai đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương – DDCI Quảng Ninh năm 2023;

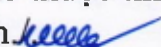
Căn cứ Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 26/3/2024 của UBND tỉnh về tổ chức Hội nghị sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-TU ngày 09/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và công bố kết quả các Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, DDCI, DGI, DTI của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh năm 2023;

Theo đề nghị của Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tại Tờ trình số 03/TTr-BXTĐT ngày 26/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả xếp hạng Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương – DDCI Quảng Ninh 2023 (có phụ lục kèm theo).

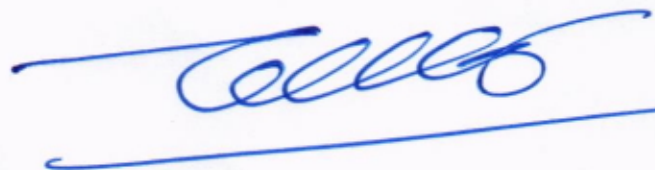
Điều 2. Giao Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu, đề xuất việc công bố kết quả xếp hạng nêu trên đảm bảo quy định.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành 

Nơi nhận:

- Như điều 3;
 - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - V0, V1-3, TM, TH;
 - Lưu: VT, TM2.
- P02, QĐ19

CHỦ TỊCH




Cao Tường Huy

PHỤ LỤC:
KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH
CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG – DDCI QUẢNG NINH 2023
(Kèm theo Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Các sở, ban, ngành:


TT	Tên đơn vị	Điểm số	Xếp hạng
1	Ban Quản lý Khu Kinh tế	79,52	Xuất sắc
2	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	78,31	Xuất sắc
3	Sở Tư pháp	78,29	Xuất sắc
4	Sở Khoa học và Công nghệ	77,07	Xuất sắc
5	Sở Tài chính	73,22	Xuất sắc
6	Sở Công Thương	69,32	Tốt
7	Sở Giao thông Vận tải	65,22	Tốt
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	64,15	Tốt
9	Sở Y tế	62,98	Khá
10	Sở Thông tin và Truyền thông	62,47	Khá
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	61,19	Khá
12	Sở Xây dựng	59,42	Khá
13	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	57,84	Khá
14	Sở Du lịch	57,51	Khá
15	Sở Văn hóa, Thể thao	56,70	Khá
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	49,49	Chưa tốt

2. Các huyện, thị xã, thành phố



TT	Tên đơn vị	Điểm số DDCI	Xếp hạng
1	UBND thành phố Hạ Long	72,70	Xuất sắc
2	UBND huyện Bình Liêu	70,98	Xuất sắc
3	UBND huyện Hải Hà	69,09	Xuất sắc
4	UBND TP Uông Bí	66,89	Xuất sắc
5	UBND thị xã Quảng Yên	65,86	Xuất sắc
6	UBND thành phố Móng Cái	65,61	Tốt
7	UBND huyện Cô Tô	65,42	Tốt
8	UBND thành phố Cẩm Phả	65,20	Khá
9	UBND thị xã Đông Triều	64,61	Khá
10	UBND huyện Vân Đồn	64,34	Khá
11	UBND huyện Tiên Yên	62,86	Khá
12	UBND huyện Ba Chẽ	58,18	Chưa tốt
13	UBND huyện Đầm Hà	53,52	Chưa tốt

3. Cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh



TT	Tên đơn vị	Điểm số	Xếp hạng
1	Cục Hải Quan tỉnh Quảng Ninh	88,37	Xuất sắc
2	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Ninh	86,33	Tốt
3	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Quảng Ninh	84,52	Tốt
4	Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh	82,12	Tốt
5	Bảo hiểm Xã hội tỉnh Quảng Ninh	80,82	Khá
6	Công an tỉnh Quảng Ninh	78,75	Khá
7	Cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Ninh	78,04	Chưa tốt

4. Khối cơ quan, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công (Không xếp hạng)

TT	Tên đơn vị	Điểm số DDCI
1	Công ty Điện lực Quảng Ninh	
2	Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh	